TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2018
V/v "Tranh chấp Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tư**;
2. Ông **Huỳnh Khắc Chung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 459/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1977 (Có mặt).

HKTT: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh G.

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Hùng Văn C, sinh năm 1963 (Có mặt).

HKTT: ấp 5B, xã Phú C, huyện C, tỉnh G.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: N hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh G (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 83 khu phố A, phường B, thị xã D, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/8/2017 cũng như trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Chị với anh Đoàn Hùng Văn C tổ chức đám cưới vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang vào năm 2009. Quá trình sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bé X, sinh ngày 12/10/1998 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 13/6/2004. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, anh C còn dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm và bạo hành chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Không muốn đỗ vỡ hạnh phúc gia đình chị cố gắng chịu đựng chung sống để cùng anh C lo cho cháu N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Hùng Văn C.

- Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Bé X, sinh ngày 12/10/1998 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 13/6/2004. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 13/6/2004. Chị L yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động được.

- Về tài sản chung: Có 8, 5 chỉ vàng 24K. Chị yêu cầu chia đôi.

- Về nợ chung: Có nợ ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang số tiền gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2017 là 1.762.677 đồng. Chị L yêu cầu anh C liên đới cùng chị trả gốc và lãi cho ngân hàng, mỗi người trả phân nửa.

* Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Hùng Văn C trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy L về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L.

- Về con chung: Anh đồng ý để chị L nuôi cháu Nguyễn Thị Quyền N, sinh năm 13/6/2004. Anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị L không nuôi nổi cháu N thì chị L giao cháu N lại cho anh nuôi.

- Về tài sản chung: Có 4,5 chỉ vàng 24k. Anh không đồng ý chia.

- Về nợ chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh G số nợ gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2017 là 1.762.677 đồng. Anh đồng ý cùng chị L liên đới trả gốc và lãi cho ngân hàng.

* Ngày 08/02/2018 ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh G có văn bản gửi đến Tòa án: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cai Lậy chưa yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Đoàn Hùng Văn C ra Tòa án, không tham gia các phiên hòa giải và xét xử trong vụ án ly hôn này.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh C, giải quyết vấn đề con chung, nợ chung giữa anh chị. Anh C đồng ý ly hôn với chị L, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, anh C đồng ý cùng chị L trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Ngân hàng chính sách xã hội huyện C vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C. Anh C có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị L và anh C có đăng ký kết hôn năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, chị L xin ly hôn với anh C căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Đoàn Hùng Văn C sống chung có đăng ký kết hôn năm 2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về yêu cầu của đương sự: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc từ năm 2016 đến nay, mâu thuẫn không thuyên giảm mà ngày càng trầm trọng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L nên căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Chị L và anh C được ly hôn với nhau.

[5] Về con chung: Chị L và anh C có hai con chung là Nguyễn Thị Bé X, sinh ngày 12/10/1998 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 13/6/2004. Cháu X hiện đã trưởng thành. Cháu N trình bày là cháu muốn sống chung với mẹ. Xét yêu cầu xin nuôi của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, cháu N được 14 tuổi, cháu còn đang đi học, cháu chưa thể tự lo cho cuộc sống của mình được, cháu N cần sự chăm sóc, yêu thương của chị L và anh C cũng đồng ý để cháu N cho chị Liễu nuôi. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đoàn Hùng Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Anh C không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L. Xét thấy, cháu N là con chung của anh chị, anh C phải cùng với chị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh C cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động được.

[6] Về tài sản chung: Biên bản hòa giải ngày 28/12/2017 chị Nguyễn Thị Thúy L rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu của chị L hoàn toàn là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị L.

[7] Về nợ chung: Chị L và anh C trình bày thống nhất anh chị có nợ ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2017 là 1.762.677 đồng. Anh chị yêu cầu chia đôi số nợ này. Tuy nhiên, ngày 08/02/2018 Ngân hàng Chính sách xã hội có văn bản gửi đến Tòa án với nội dung "Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ là trách nhiệm chung của cả hộ gia đình, xét thấy hộ vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, có khả năng trả nợ N hàng khi nợ vay đến hạn. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C chưa yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Đoàn Hùng Văn C". Do đó, Hội đồng xét xử chưa thể ghi nhận sự tự nguyện trả nợ chung của chị L và anh C do N hàng chưa có yêu cầu và không đóng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Nếu sau này có tranh chấp, N hàng có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị L, anh C trả nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Đoàn Hùng Văn C. Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Đoàn Hùng Văn C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Đoàn Hùng Văn C. Giao con chung tên Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 13/6/2004 cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đoàn Hùng Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng: Anh Đoàn Hùng Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thúy L.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000đ án phí HNST. Được trừ vào 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15015 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, hoàn lại cho chị L 300.000 đồng.

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã C;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan